Phụ lục II
BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ CÁC LOẠI LÂM SẢN RỪNG TRỒNG, VƯỜN TRỒNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2022/QĐ-UBND Ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Loài cây	Giá (đồng/ m^3)	Ghi chú
1	Gỗ muồng đen		
	Đường kính < 35 cm	1.100.000	
	Đường kính từ 35 cm - 50 cm	1.800.000	
	Đường kính > 50 cm	2.500.000	
2	Gỗ Keo lá tràm	600.000	
3	Gỗ Keo tai tượng	420.000	
4	Gỗ Keo lai	600.000	
5	Gỗ Bạch đàn	660.000	
6	Gỗ Thông các loại		
	Đường kính < 25 cm	1.380.000	
	Đường kính từ 25cm - 35 cm	1.930.000	
7	Gỗ Tếch	1.800.000	
8	Các loài khác	Bằng 80% giá tính thuế của các loại lâm sản rừng tự nhiên cùng nhóm, loài, đường kính tương ứng	